

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 34

Môn: Phần C.I. Xây dựng Đảng

Ngày thi: 22/03/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	32	Hứa Văn Lập	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Hoàng Thị Hoài Anh	6,00	Sáu	33	Nông Thùy Linh	8,00	Tám
3	Hoàng Văn Biên	6,25	Sáu phẩy hai năm	34	Nguyễn Thị Linh	7,50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Bình	7,75	Bảy phẩy bảy năm	35	Lương Quang Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nông Văn Chấn	7,00	Bảy	36	Nguyễn Thùy Mai	7,50	Bảy phẩy năm
6	Tô Quỳnh Châu	7,50	Bảy phẩy năm	37	Lý Thị Ngọc Mai	8,25	Tám phẩy hai năm
7	Nguyễn Đình Chiến	6,75	Sáu phẩy bảy năm	38	Phạm Đại Nam	7,50	Bảy phẩy năm
8	Nông Văn Đạt	8,00	Tám	39	Linh Thị Ngà		Hoãn thi
9	Trần Thùy Dương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Nông Đình Nghĩa	7,50	Bảy phẩy năm
10	Ngân Bích Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Bùi Thị Hồng Ngọc	8,00	Tám
11	Ngân Thế Duyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Nông Thị Hồng Ngọc	8,00	Tám
12	Lãnh Ngọc Hiền	7,00	Bảy	43	Đào Ánh Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Lê Thị Hiền	8,00	Tám	44	Vi Thị Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Triệu Quang Hiệp	7,00	Bảy	45	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nông Thị Hiệu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Vi Minh Quang	7,50	Bảy phẩy năm
16	Nông Trịnh Hồ	7,00	Bảy	47	Tô Thị Quyên	8,00	Tám
17	Hà Mộng Hoa	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Đình Văn Tập	7,00	Bảy
18	Lương Văn Hợi	6,50	Sáu phẩy năm	49	Nguyễn Hữu Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Thúy Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Long Văn Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Thu Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	51	Đàm Hải Thao	8,00	Tám
21	Vũ Thu Hương	8,00	Tám	52	Nông Thị Minh Thu	7,50	Bảy phẩy năm

ĐHK

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Nông Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Đặng Thanh Thùy	8,00	Tám
23	Đinh Thị Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	54	Đàm Thị Thủy	8,00	Tám
24	Đàm Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	55	Lê Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Ma Thị Huyền	8,00	Tám	56	Đàm Thanh Tình	8,00	Tám
26	Cao Thanh Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Thang Thành Trung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Lục Hồng Kỳ	8,00	Tám	58	Nguyễn Minh Tuấn	6,50	Sáu phẩy năm
28	Phùng Thị Hồng Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Phạm Minh Tuấn	8,00	Tám
29	Thân Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lưu Đức Tùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lâm Thị Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	61	Trần Văn Việt	8,00	Tám
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	8,00	Tám	62	Nguyễn Thị Xuân		Thôi học

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Việt Hưng